



FROM



arkansas  
health & wellness.

# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



[Ambetter.ARhealthwellness.com](https://Ambetter.ARhealthwellness.com)

# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Arkansas Health & Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
<b>AMEBICIDES</b>		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
<b>Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)</b>		
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<b>Salicylates</b>			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1		<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN OR</i>	0	
<i>diflunisal TABS</i>	1		<b>METHADONE HCL SOLN IJ</b>	0	
<i>salsalate</i>	1		<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 ea daily)
<b>Opioid Agonists</b>			<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<b>CODEINE SULFATE TABS</b>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<b>NUCYNTA ER TB12</b>	2	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>oxycodone w/acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<b>Opioid Combinations</b>					
<i>acetaminophen w/codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<b>Opioid Partial Agonists</b>		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	
ZUBSOLV SUBL	3	
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
<b>Anabolic Steroids</b>		
<i>oxandrolone</i>	1	
<b>Androgens</b>		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methyltestosterone TABS</i>	1	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
<b>Intrarectal Steroids</b>		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
UCERIS ( <i>budesonide (intrarectal)</i> )	4	QL(3.2 gm daily); PA
<b>Rectal Steroids</b>		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
<b>Vasodilating Agents</b>		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
<b>Anthelmintics</b>		
<i>albendazole</i>	1	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
<b>ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
<b>ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies</b>			<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<b>Leukotriene Modulators</b>		
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA	<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA	<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA	<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA	<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	<b>Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily; 30 ea per 30 day(s) retail); PA	<b>Steroid Inhalants</b>		
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily; 30 ml per 30 day(s) retail); PA	ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<b>Anti-Inflammatory Agents</b>			<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 gm daily)
<b>Bronchodilators - Anticholinergics</b>			PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)	<b>Sympathomimetics</b>		
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)			
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ml daily)	<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1	QL(18 ml daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1		<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ml daily)
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)	SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STRIVERDI RESPIMAT	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1	
DULERA	2		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<b>Xanthines</b>		
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>aminophylline SOLN</i>	1	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>theophylline ELIX</i>	1	
			<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ml daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1	
			<i>theophylline TB24</i>	1	
			<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
			<b>Coumarin Anticoagulants</b>		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1	
			<b>Direct Factor Xa Inhibitors</b>		
			ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	<b>Thrombin Inhibitors</b>		
<b>Heparins And Heparinoid-Like Agents</b>			<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1	
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)	<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	<b>AMPA Glutamate Receptor Antagonists</b>		
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)	FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP	<b>Anticonvulsants - Benzodiazepines</b>		
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1	
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
			NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG ( <i>lamotrigine</i> )	3	
Anticonvulsants - Misc.			<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1	
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 ea daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1	
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1		<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)	TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1		TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
			<i>topiramate CS24</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>Carbamates</b>		
<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>GABA Modulators</b>		
<i>tiagabine hcl</i>	1	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<b>Hydantoins</b>		
DILANTIN	2	
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2	
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2	
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
<i>phenytoin CHEW</i>	1	
<i>phenytoin SUSP</i>	1	
<b>Succinimides</b>		
CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Valproic Acid</b>		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1	
<i>valproic acid CAPS</i>	1	
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>		
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<b>Antidepressants - Misc.</b>		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1	
<b>N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists</b>		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1		<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Tricyclic Agents</b>			<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1		GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1		SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1		SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>			TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>			TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)	XIGDUO XR ( <i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i> )	2	QL(1 ea daily)
<b>Antidiabetic Combinations</b>					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)			
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLN	3	PA
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(2 ea daily)	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
Biguanides			HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
metformin hcl TABS 1000 MG	1	QL(2.5 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
metformin hcl TABS 500 MG	1	QL(5 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
metformin hcl TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	
metformin hcl TB24 500 MG	1	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
metformin hcl TB24 750 MG	1	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
Diabetic Other			INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
diazoxide	3		INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
glucagon (rdna)	1	QL(0.035 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
alogliptin benzoate	1	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
saxagliptin hcl	1	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
Incretin Mimetic Agents			NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	Insulin Sensitizing Agents		
VICTOZA (liraglutide)	2	QL(0.3 ml daily); PA	pioglitazone hcl	1	QL(1 ea daily)
Insulin			Meglitinide Analogues		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<b>Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors</b>		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA ( <i>dapagliflozin propanediol</i> )	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
<b>Sulfonylureas</b>		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
<b>Antiperistaltic Agents</b>		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
<b>Antidotes - Chelating Agents</b>		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antidotes and Specific Antagonists</b>		
VISTOGARD	4	PA
<b>Opioid Antagonists</b>		
KLOXXADO LIQD	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
<b>5-HT3 Receptor Antagonists</b>		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
VARUBI TBPK	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSR</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
<b>Antihistamines - Piperidines</b>		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
<b>ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Bile Acid Sequestrants</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1	
<i>guanfacine hcl</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1	
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1		<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1		Antihypertensives - Misc.		
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1		VECAMYL	3	PA
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1		Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>eplerenone</i>	1	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST	Vasodilators		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1		<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>bacitracin</i>	3	
			IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1	
			XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
			XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
			Anti-infective Misc. - Combinations		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
<b>Glycopeptides</b>		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	1	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
<b>Monobactams</b>		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
<i>melphalan</i>	1		INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antimetabolites</b>			LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1		KANJINTI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1		OGIVRI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP	PERJETA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP	TRAZIMERA	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TUKYSA	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>letrozole</i>	1	
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LYSODREN	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate TABS</i>	1	
DAURISMO	4	PA	<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	ORGOVYX	4	PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>toremifene citrate</i>	1	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bicalutamide</i>	1	QL(1 ea daily); SP	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
			AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO	4	PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRUKINSA	4	PA
Antineoplastic Antibiotics			CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KOSELUGO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KYPROLIS	4	PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST TABS	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
QINLOCK	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SPRYCEL ( <i>dasatinib</i> )	4	QL(1 ea daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
TABRECTA	4	PA
TAFINLAR CAPS	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	PA
TURALIO	4	PA
VERZENIO	4	PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1		Topoisomerase I Inhibitors		
MATULANE	4	SP; PA	HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA	<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
SYNRIBO	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1		<i>carbidopa</i>	1	
UVADEX	4	SP; PA	Antiparkinson Anticholinergics		
Chemotherapy Adjuncts			<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1		<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
VORAXAZE	4	SP; PA	<i>tolcapone</i>	1	
Mitotic Inhibitors			Antiparkinson Dopaminergics		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
ETOPOPHOS	4	SP; PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
HALAVEN ( <i>eribulin mesylate</i> )	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
JEVTANA	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1	
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA			
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEUPRO	2		<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1		PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1		RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); ST	<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); ST	<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA	<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1		Butyrophenones		
<i>selegiline hcl TABS</i>	1		<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
Antimanic Agents			<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>lithium</i>	1		<i>haloperidol TABS</i>	1	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1		Dibenzapines		
<i>lithium carbonate TABS</i>	1		<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1		<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Antipsychotics - Misc.			<i>clozapine TABS</i>	1	
EQUETRO	3		<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>loxapine succinate</i>	1	
Benzisoxazoles			<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
FANAPT	2	QL(2 ea daily)	<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	2		<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
			<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
			<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>			CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1		<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1		DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1		DOVATO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1		EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1		<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Quinolinone Derivatives</b>			<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<b>Thioxanthenes</b>			<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>thiothixene</i>	1		<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>					
<b>Antiretrovirals</b>					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
			GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ml daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<b>CMV Agents</b>		
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)	<b>Hepatitis Agents</b>		
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)	BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)	<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)	EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)	<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 ea daily); SP
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	QL(2 ea daily)	PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	3	QL(1 ea daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3		<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 ea daily)			
RUKOBIA	4	PA			
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)			
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<b>Herpes Agents</b>			<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ml daily)	<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acyclovir TABS OR</i>	1	QL(5 ea daily)	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>Influenza Agents</b>			<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail	<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>			<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>			HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>carvedilol</i>	1		<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
			<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
			<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
			<i>pindolol TABS</i>	1	
			<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
			<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
			<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
			<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
			<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
			<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
			<i>timolol maleate TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>			<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Calcium Channel Blockers			Cardiac Glycosides		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1		<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1		LANOXIN SOLN IJ ( <i>digoxin</i> )	2	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ( <i>digoxin</i> )	2	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)	<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1		Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1		<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
DILTIAZEM HCL SOLR	1		<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1		Impotence Agents		
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1		<i>avanafil</i>	1	QL(0.134 ea daily)
<i>felodipine</i>	1		<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
<i>isradipine CAPS</i>	1		STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1		<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1		Prostaglandin Vasodilators		
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1		<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)	ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<i>nifedipine TB24</i>	1		TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
<i>nimodipine CAPS</i>	1		TYVASO SOLN IN	4	PA
<i>nisoldipine</i>	1				
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)			
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1				
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1				
<i>verapamil hcl TABS</i>	1				
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists</b>		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors</b>		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist</b>		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator</b>		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Sinus Node Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS ( <i>ivabradine hcl</i> )	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<b>Transthyretin Stabilizers</b>		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Cephalosporins - 1st Generation</b>		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>cephalexin SUSR</i>	1	
<b>Cephalosporins - 2nd Generation</b>		
<i>cefaclor CAPS</i>	1	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefprozil SUSR</i>	1	
<i>cefprozil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	
<b>Cephalosporins - 3rd Generation</b>		
<i>cefdinir CAPS</i>	1	
<i>cefdinir SUSR</i>	1	
<i>cefixime CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefixime SUSR</i>	1	ST	<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1		NATAZIA	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>			<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norethindrone acet &amp; eth estra TABS</i>	0	
BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
FEMLYV TBDP	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone TABS</i>	1	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	EMFLAZA SUSP ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
Emergency Contraceptives			EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
ELLA	0		<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
Progestin Contraceptives - Injectable			MEDROL TABS	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPk</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
OPILL	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>			<i>prednisolone TABS</i>	1	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN</i>	1	
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS</i>	1	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TBPk</i>	1	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1		<i>triamcinolone acetate SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1		Mineralocorticoids		
<i>dexamethasone ELIX</i>	1		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1		<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antitussives</b>		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1	
TUZISTRA XR	2	PA
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1	
<b>Mucolytics</b>		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
<b>Acne Products</b>		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>			<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)	<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<b>Antibiotics - Topical</b>			<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)	ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1		<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1		<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antifungals - Topical</b>			<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC	<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<b>Antipsoriatics</b>		
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1		<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tavaborole</i>	1	PA	<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>			<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>			COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Antipruritics - Topical</b>			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLN CREA	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				
<i>amcinonide OINT</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1		<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)			
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(3.34 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<b>Eczema Agents</b>		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<b>Diagnostic Tests</b>		
CHEMSTRIP-K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
KETONE TEST STRIPS STRP	1	
KETONE STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1	
PRECISION XTRA	1	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>		
<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>Diuretic Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1		<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1		<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1		FORTEO SOPN ( <i>teriparatide</i> )	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1		FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<b>Loop Diuretics</b>			<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1		<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)	<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1		PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>furosemide TABS</i>	1		<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>toremide TABS</i>	1		<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>			<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>amiloride hcl TABS</i>	1		<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>spironolactone TABS</i>	1		<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)	TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>			TYMLOS	4	PA
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1		XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<b>Corticotropin</b>		
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	ACTHAR GEL	3	PA
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)	<b>Fertility Regulators</b>		
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>			CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	QL(30 ea per 30 day(s) retail); PA
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>			<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>					
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA
ORLISSA	2	PA	<i>calcitriol CAPS</i>	1	
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
EGRIFTA 2 MG	4	PA	<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
EGRIFTA SV	4	PA	ELAPRASE	4	SP; PA
Growth Hormones			GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA	MYALEPT	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	NAGLAZYME	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
Hormone Receptor Modulators			PHEBURANE PLLT	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
INCRELEX	4	SP; PA	<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			STRENSIQ	4	PA
FENSOLVI SC	4	SP; PA	Posterior Pituitary Hormones		
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
SYNAREL	4	SP; PA	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
Metabolic Modifiers			<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
ALDURAZYME	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
			Prolactin Inhibitors		



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cabergoline</i>	1	
<b>Somatostatic Agents</b>		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ( <i>octreotide acetate</i> )	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
<b>Vasopressin Receptor Antagonists</b>		
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Estrogen Combinations</b>		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
<b>Estrogens</b>		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL ( <i>estradiol</i> )	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluoroquinolones</b>		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
<b>Bile Acid Synthesis Disorder Agents</b>		
CHOLBAM	4	SP; PA
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
<b>Urinary Analgesics</b>		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	1	
<b>Urinary Stone Agents</b>		
THIOLA EC TBEC 100 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
<b>Gout Agent Combinations</b>		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
<b>Gout Agents</b>		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<b>Uricosurics</b>		
<i>probenecid</i>	1	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Antihemophilic Products</b>		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
<b>Bradykinin B2 Receptor Antagonists</b>		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<b>Complement Inhibitors</b>		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
<b>Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors</b>		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Hematorheologic Agents</b>		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Plasma Kallikrein Inhibitors</b>		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
<b>Platelet Aggregation Inhibitors</b>		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)	FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)	FEMCAP DEVI	0	
<b>Clarithromycin</b>			KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin SUSR</i>	1		KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin TABS</i>	1		KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>clarithromycin TB24</i>	1		KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>Erythromycins</b>			KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<b>Fidaxomicin</b>			KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>					
<b>Contraceptives</b>					
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)			
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)			
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 ea daily)
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	<b>Diabetic Supplies</b>		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1	RX/OTC
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1	RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Headaches</b>		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>		
<b>Bicarbonates</b>		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1	
<b>Calcium</b>		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
<b>Electrolyte Mixtures</b>		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1	
<i>electrolyte-a</i>	1	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1	
<i>lactated ringer's</i>	1	
NORMOSOL-M/D5W	1	
NORMOSOL-R	1	
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1	
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride CPCR</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1	PA
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1	
<i>ringer's</i>	1		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1	
Fluoride			Sodium		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
Magnesium			<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1		Chelating Agents		
Phosphate			<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1		<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
Potassium			<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1		Immunomodulators		
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1		<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
			THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
			Immunosuppressive Agents		
			ATGAM	4	SP; PA
			AZATHIOPRINE	1	
			<i>azathioprine TABS</i>	1	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1	
			<i>cyclosporine CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1		<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
ENSPRYNG	4	PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA	Anti-infectives - Throat		
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA	<i>clotrimazole</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1		<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1		Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>mycophenolate sodium</i>	1		<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
NULOJIX	4	SP; PA	DEBACTEROL	2	
PROGRAF PACK	2	PA	Dental Products		
PROGRAF SOLN	2		<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
SIMULECT	3		Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>sirolimus TABS</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1		Throat Products - Misc.		
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	<i>cevimeline hcl</i>	1	
Irrigation Solutions			<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1		<b>MULTIVITAMINS</b>		
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1		Ped MV w/ Fluoride		
<i>ringer's irrigation</i>	1		<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
<i>water for irrigation, sterile</i>	1		Prenatal Vitamins		
Potassium Removing Agents			CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1		EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1		GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>			KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
Anesthetics Topical Oral					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -</b>		
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>Drugs to Treat Spasms</b>		
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<b>Central Muscle Relaxants</b>		
			<i>baclofen TABS</i>	1	
			<i>carisoprodol TABS</i>	1	
			<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1		FML FORTE SUSP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1		FML OINT	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)	MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
NATACYN	2		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1		PRED MILD	3	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1		Ophthalmics - Misc.		
<i>trifluridine</i>	1		ALOCRIAL	3	PA
ZIRGAN GEL	2		ALOMIDE	3	PA
Ophthalmic Immunomodulators			<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>proparacaine hcl</i>	1		<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
Ophthalmic Steroids			CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)	<i>dorzolamide hcl</i>	1	
			<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
			<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
			<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
<b>OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear</b>		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
<b>Penicillin Combinations</b>		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
<b>Penicillinase-Resistant Penicillins</b>		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Progestins</b>		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
<b>Agents for Chemical Dependency</b>		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lofexidine hcl</i>	1	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA ( <i>lofexidine hcl</i> )	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
<b>Antidementia Agents</b>		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	
<i>memantine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1	
<b>Combination Psychotherapeutics</b>		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Fibromyalgia Agents</b>		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
<b>Movement Disorder Drug Therapy</b>		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>pimozide</i>	1	
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)	Smoking Deterrents		
<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL INHALER INHA	0	
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0	
			<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>varenicline tartrate</i> TBPK	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone</i> CAPS	4	
<i>pirfenidone</i> TABS 534 MG	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone</i> TABS 267 MG, 801 MG	4	
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine</i> TABS	1	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl</i> TABS	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate)</i> CAPS 50 MG, 100 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate)</i> CAPS 75 MG	1	
<i>doxycycline (monohydrate)</i> TABS 50 MG, 75 MG	1	
<i>doxycycline (monohydrate)</i> TABS 100 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate</i> CAPS	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate</i> SOLR	1	
<i>doxycycline hyclate</i> TABS 20 MG, 100 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl</i> CAPS	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl</i> TABS	1	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl</i> CAPS	1	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole</i> TABS	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium</i> TABS	1	
<i>liothyronine sodium</i> SOLN	1	
<i>liothyronine sodium</i> TABS	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	2		glycopyrrolate TABS 2 MG	1	QL(6 ea daily)
<b>TOXOIDS</b>			methscopolamine bromide	1	
Toxoid Combinations			H-2 Antagonists		
ADACEL SUSP	0		cimetidine TABS	1	RX/OTC
BOOSTRIX SUSP	0		famotidine in nacl SOLN	1	
BOOSTRIX SUSY	0		famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	1	
DAPTACEL	0		famotidine SUSR	1	QL(10 ml daily)
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0		famotidine TABS 20 MG, 40 MG	1	RX/OTC
INFANRIX	0		nizatidine CAPS	1	
KINRIX SUSY	0		ranitidine hcl TABS 150 MG	1	
PEDIARIX SUSY	0		Misc. Anti-Ulcer		
PENTACEL	0		sucralfate SUSP	1	QL(40 ml daily)
QUADRACEL SUSP	0		sucralfate TABS	1	QL(4 ea daily)
QUADRACEL SUSY	0		Proton Pump Inhibitors		
TDVAX SUSP	0		dexlansoprazole	3	QL(1 ea daily)
TENIVAC INJ	0		esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	3	QL(1 ea daily)
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>			esomeprazole magnesium TBEC	1	QL(2 ea daily)
Antispasmodics			lansoprazole CPDR 30 MG	1	
atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	1		lansoprazole CPDR 15 MG	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	1		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1	QL(2 ea daily)
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	1		omeprazole magnesium CPDR	1	QL(4 ea daily)
dicyclomine hcl CAPS	1		omeprazole CPDR	1	QL(2 ea daily)
dicyclomine hcl SOLN OR	1		omeprazole TBEC	1	QL(2 ea daily)
dicyclomine hcl TABS	1		pantoprazole sodium TBEC 20 MG	1	QL(1 ea daily)
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	1				
glycopyrrolate TABS 1 MG	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>Ulcer Drugs - Prostaglandins</b>		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Ulcer Therapy Combinations</b>		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
<b>Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)</b>		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>tropium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists</b>		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
<b>Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flavoxate hcl</i>	1	
<b>VACCINES</b>		
<b>Bacterial Vaccines</b>		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
<b>Viral Vaccines</b>		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL INACTIVATED IPV	0	
FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JANSSEN COVID-19 VACCINE	0	
FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0	
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA. 4/BA.5	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-5Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0		TWINRIX SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0		VAQTA	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	Miscellaneous Vaginal Products		
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
RECOMBIVAX HB SUSP	0		Spermicides		
RECOMBIVAX HB SUSY	0		TODAY SPONGE MISC	0	
ROTARIX SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
ROTARIX SUSR	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
ROTATEQ SOLN	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
			<i>metronidazole vaginal</i>	1	
			<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
			<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
			<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
			Vaginal Anti-inflammatory Agents		
			<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 gm daily)
			Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
			PHEXXI	0	PV
			Vaginal Estrogens		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	



## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	30	acyclovir CAPS .....	32	AKYNZEO .....	18
abacavir sulfate TABS .....	30	acyclovir SUSP .....	32	albendazole .....	7
abacavir sulfate-lamivudine .....	30	acyclovir TABS OR .....	32	albuterol sulfate AERS .....	9
ABELCET .....	18	acyclovir topical CREA .....	40	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	10
abiraterone acetate 250 MG .....	25	acyclovir topical OINT .....	40	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	10
abiraterone acetate 500 MG .....	25	ADACEL SUSP .....	64	albuterol sulfate SYRP .....	10
ABRYSSVO .....	65	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate TABS .....	10
acamprosate calcium .....	61	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	alclometasone dipropionate CREA	40
acarbose .....	15	adapalene CREA .....	37	alclometasone dipropionate OINT	40
acebutolol hcl CAPS .....	32	adapalene GEL .....	37	ALDURAZYME .....	45
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	37	ALECENSA .....	26
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	24	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	31	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	44
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	ADEMPAS .....	34	alfuzosin hcl .....	47
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	63	ALINIA SUSR .....	22
acetazolamide CP12 .....	43	ADVATE .....	48	aliskiren fumarate .....	21
acetazolamide sodium .....	43	ADYNOVATE .....	48	allopurinol 100 MG, 300 MG .....	48
acetazolamide TABS 125 MG .....	43	AFLURIA 2024-2025 SUSP .....	65	almotriptan malate 12.5 MG .....	53
acetazolamide TABS 250 MG .....	43	AFLURIA 2024-2025 SUSY .....	65	almotriptan malate 6.25 MG .....	53
acetic acid (otic) .....	60	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	65	ALOCRIAL .....	59
acetic acid 0.25 % .....	47	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	65	alogliptin benzoate .....	16
acetylcysteine SOLN .....	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	65	alogliptin-metformin hcl .....	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	66	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15
acitretin 25 MG .....	39	AFSTYLA .....	48	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG .....	15
ACTHAR GEL .....	44	AIMOVIG .....	53	ALOMIDE .....	59
ACTHIB SOLR IM .....	65	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	51	alose tron hcl .....	47
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML .....	27				

alprazolam TABS .....	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG .....	1
alprazolam TB24 .....	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil .....	20	
alprazolam TBDP .....	8	amlodipine besylate-valsartan .....	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....
ALPROLIX .....	48	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide .....	20	1
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) .....	59	amoxapine .....	15	amphotericin b IV .....
ALTABAX .....	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61		18
ALTUVIIIO .....	48	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61		amphotericin b liposome .....
ALUNBRIG TABS .....	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61		18
ALUNBRIG TBPK .....	26	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM .....
ALVESCO .....	9	amoxicillin CAPS .....	60	61
alvimopan .....	47	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 60		ampicillin CAPS 500 MG .....
amantadine hcl CAPS .....	28	amoxicillin SUSR .....	60	60
amantadine hcl SOLN .....	28	amoxicillin TABS .....	60	ampicillin sodium IV 10 GM .....
amantadine hcl TABS .....	28	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK .....	65	60
ambrisentan .....	34	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG .....	1	anagrelide hcl .....
amcinonide CREA .....	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG .....	1	48
amcinonide LOTN .....	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1	25
amcinonide OINT .....	40	ANRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR .....	7	25
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML .....	2	ANNOVERA .....	36	
amiloride & hydrochlorothiazide ..	44	ANORO ELLIPTA .....	10	
amiloride hcl TABS .....	44	ANZEMET TABS 50 MG .....	17	
aminocaproic acid TABS .....	49	APIDRA SOLN .....	16	
aminophylline SOLN .....	10	APIDRA SOLOSTAR SOPN .....	16	
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	apomorphine hydrochloride SOCT	28	
amiodarone hcl TABS .....	8	apraclonidine hcl .....	58	
amitriptyline hcl TABS .....	15	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	18	
amlodipine besylate TABS .....	33	aprepitant CAPS 80 MG .....	18	
amlodipine besylate-atorvastatin calcium .....	33	aprepitant CAPS .....	18	
		aprepitant MISC .....	18	
		APTIOM .....	12	
		APTIVUS CAPS .....	30	
		ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	49	
		ARANESP ALBUMIN FREE SOLN		

40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	azithromycin TABS 500 MG .....	50
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	49	atorvastatin calcium TABS .....	19	azithromycin TABS 600 MG .....	51
ARCALYST .....	3	atovaquone .....	22	aztreonam 1 GM .....	22
AREXVY .....	66	atovaquone-proguanil hcl .....	22	bacitracin (ophthalmic) .....	59
arformoterol tartrate .....	10	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	64	bacitracin .....	21
ARIKAYCE .....	2	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	64	baclofen TABS .....	57
aripiprazole SOLN OR .....	30	ATROVENT HFA .....	9	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	35
aripiprazole TABS .....	30	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK .....	61	balsalazide disodium CAPS .....	47
armodafinil .....	1	AUSTEDO TABS .....	62	BALVERSA .....	26
ARMOUR THYROID TABS .....	63	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
ARNUITY ELLIPTA .....	9	AUSTEDO XR TB24 .....	62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	27	avanafil .....	33	BARACLUDE SOLN .....	31
ARZERRA .....	24	AVONEX PEN AJKT .....	62	BASAGLAR KWIKPEN SOPN .....	16
ascorbic acid SOLN IJ .....	69	AVONEX PSKT .....	62	BAXDELA SOLR .....	46
asenapine maleate 2.5 MG .....	29	AYVAKIT .....	25	BAXDELA TABS .....	46
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	29	azacitidine SUSR .....	24	BELSOMRA .....	50
aspirin CHEW .....	5	AZASITE .....	59	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
aspirin TABS 325 MG .....	5	AZATHIOPRINE .....	55	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
aspirin TBEC 325 MG .....	5	azathioprine TABS .....	55	benazepril hcl .....	20
aspirin TBEC 81 MG .....	5	azelaic acid GEL .....	42	bendamustine hcl SOLR .....	23
aspirin-dipyridamole .....	48	azelastine hcl (ophth) .....	59	BENEFIX KIT .....	48
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	30	azelastine hcl .....	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	37
atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	30	AZELEX .....	37	BENZEPRO FOAM 5.3 % .....	37
atenolol & chlorthalidone .....	20	azithromycin PACK .....	50	benzonatate 100 MG .....	37
atenolol TABS .....	32	azithromycin SOLR .....	50	benzonatate 150 MG .....	37
ATGAM .....	55	azithromycin SUSR .....	50	benzonatate 200 MG .....	37
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	azithromycin TABS 250 MG .....	51		

benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....37	50 MG .....65	BRIVIACT TABS .....12
benzoyl peroxide GEL 10 % .....37	bexarotene (topical) .....39	bromfenac sodium (ophth) .....59
benzoyl peroxide GEL 5 % .....37	bexarotene .....27	bromocriptine mesylate CAPS .....28
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....37	BEXSERO .....65	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG .....28
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	bicalutamide .....25	BRUKINSA .....26
benztropine mesylate SOLN .....28	BIKTARVY .....30	budesonide (inhalation) SUSP .....9
benztropine mesylate TABS .....28	bimatoprost SOLN .....60	budesonide (intrarectal) .....7
bepotastine besilate .....59	bisacodyl SUPP .....50	budesonide (nasal) .....58
betaine .....45	bisacodyl TBEC .....50	budesonide CPEP .....36
betamethasone dipropionate (topical) CREA .....40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....10
betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....40	bisoprolol fumarate .....32	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...44
betamethasone dipropionate (topical) OINT .....40	bleomycin sulfate 15 UNIT .....26	bumetanide TABS .....44
betamethasone dipropionate augmented CREA .....40	BOOSTRIX SUSP .....64	buprenorphine hcl SOLN .....7
betamethasone dipropionate augmented LOTN .....40	BOOSTRIX SUSY .....64	buprenorphine hcl SUBL .....7
betamethasone dipropionate augmented OINT .....40	bortezomib SOLR IJ .....26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG .....7
betamethasone valerate CREA ...40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ....7
betamethasone valerate FOAM ...40	bosentan TABS 125 MG .....34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL .....7
betamethasone valerate LOTN ....40	bosentan TABS 62.5 MG .....34	buprenorphine PTWK .....7
betamethasone valerate OINT ....40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 26	bupropion hcl (smoking deterrent) 62
BETASERON KIT .....62	BOSULIF TABS 400 MG .....26	bupropion hcl TABS .....13
betaxolol hcl (ophth) SOLN .....58	BRAFTOVI 75 MG .....26	bupropion hcl TB12 100 MG .....13
betaxolol hcl .....32	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol) .....10	bupropion hcl TB12 150 MG .....13
bethanechol chloride 25 MG .....65	BREO ELLIPTA .....10	bupropion hcl TB12 200 MG .....13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, .....65	BREZTRI AEROSPHERE .....10	bupropion hcl TB24 150 MG .....13
	BRILINTA .....48	bupropion hcl TB24 300 MG .....13
	brimonidine tartrate (topical) .....42	buspirone hcl .....8
	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 58	
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 58	
	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..12	

busulfan SOLN .....	23	calcitriol SOLN IV .....	45	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	23
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	47	carisoprodol TABS .....	57
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) TABs .....	47	carmustine .....	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	54	carteolol hcl (ophth) .....	58
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium polycarbophil TABS .....	50	carvedilol .....	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	CALQUENCE .....	26	carvedilol phosphate .....	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	candesartan cilexetil .....	20	casprofungin acetate .....	18
butalbital-aspirin-caffeine CAPS .....	5	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide .....	20	CAYA DPRH .....	51
butalbital-aspirin-caffeine w/cod .....	6	capecitabine .....	24	CAYSTON .....	22
butenafine hcl .....	38	CAPRELSA .....	26	cefaclor CAPS .....	34
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	captopril 12.5 MG .....	20	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .....	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	20	cefadroxil CAPS .....	34
cabergoline .....	46	carbamazepine CHEW 100 MG .....	12	cefadroxil SUSR .....	34
CABLIVI .....	48	carbamazepine CP12 100 MG .....	12	cefadroxil TABS .....	34
CABOMETYX TABS .....	26	carbamazepine CP12 200 MG .....	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	34
calcipotriene CREA .....	39	carbamazepine CP12 300 MG .....	12	cefdinir CAPS .....	34
calcipotriene OINT .....	39	carbamazepine CP12 300 MG .....	12	cefdinir SUSR .....	34
calcipotriene SOLN .....	39	carbamazepine SUSP .....	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	35
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	40	carbamazepine TABS .....	12	cefixime CAPS .....	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	40	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	12	cefixime SUSR .....	35
calcitonin (salmon) NA .....	44	carbamazepine TB12 200 MG .....	12	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	35
calcitriol (topical) .....	39	carbidopa .....	28	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcitriol CAPS .....	45	carbidopa-levodopa TABS .....	28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM .....	34
		carbidopa-levodopa TBCR .....	28	cefpodoxime proxetil SUSR .....	35
		carbidopa-levodopa TBDP .....	28	cefpodoxime proxetil TABS .....	35
		carbidopa-levodopa-entacapone .....	28	cefprozil SUSR .....	34
		carbinoxamine maleate SOLN .....	18	cefprozil TABS .....	34
		carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	35
				ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM,	

250 MG, 500 MG .....	35	MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT .....	69	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ....	23
cefuroxime axetil TABS .....	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	69	citalopram hydrobromide SOLN ...	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG .....	34	cholestyramine light PACK .....	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG .....	14
celecoxib .....	4	cholestyramine light POWD .....	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG .....	14
CELONTIN (methsuximide) .....	13	cholestyramine PACK .....	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG .....	14
cephalexin CAPS .....	34	cholestyramine POWD .....	19	clarithromycin SUSR .....	51
cephalexin SUSR .....	34	choline fenofibrate .....	19	clarithromycin TABS .....	51
CERDELGA .....	49	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		clarithromycin TB24 .....	51
CEREZYME 400 UNIT .....	49	ciclopirox GEL .....	38	CLASSIC PRENATAL TABS .....	56
cetirizine hcl TABS .....	19	ciclopirox olamine CREA .....	38	clemastine fumarate SYRP .....	18
cevimeline hcl .....	56	ciclopirox olamine SUSP .....	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	
CHEMET .....	17	ciclopirox SHAM .....	38	CLIMARA PRO .....	46
CHEMSTRIP-K STRP .....	43	ciclopirox SOLN .....	38	clindamycin hcl .....	22
chloramphenicol sodium succinate 22		cidofovir .....	31	clindamycin palmitate hydrochloride . 22	
chlordiazepoxide hcl CAPS .....	8	cilostazol .....	48	clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	37
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....	64	CIMDUO .....	30	clindamycin phosphate (topical) GEL 37	
chlordiazepoxide-amitriptyline ....	61	cimetidine TABS .....	64	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	37
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....	56	cinacalcet hcl .....	45	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	37
chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	23	CIPRO SUSR .....	46	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	37
chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	23	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ....	59	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	22
chlorpromazine hcl SOLN .....	30	ciprofloxacin hcl (otic) .....	60	clindamycin phosphate vaginal CREA .....	68
chlorpromazine hcl TABS .....	30	ciprofloxacin hcl TABS .....	46		
chlorthalidone 25 MG, 50 MG .....	44	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML .....	46		
chlorzoxazone TABS 500 MG .....	57	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....	46		
chlorzoxazone TABS 750 MG .....	58	ciprofloxacin-dexamethasone ....	60		
CHOLBAM .....	46	ciprofloxacin-fluocinolone acetone . 60			
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25					

clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	37	clotrimazole (topical) SOLN .....	38	CORLANOR SOLN .....	34
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	37	clotrimazole .....	56	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	68	CORTISPORIN-TC .....	60
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58		clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	38	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 58		clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	38	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 58		clozapine TABS .....	29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
clobazam SUSP .....	11	clozapine TBDP 100 MG .....	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
clobazam TABS .....	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		CREON CPEP .....	43
clobetasol propionate CREA 0.05 % .	40	clozapine TBDP 25 MG .....	29	CRESEMBA CAPS 186 MG .....	18
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	40	COARTEM .....	23	cromolyn sodium (ophth) .....	59
clobetasol propionate FOAM .....	40	codeine sulfate TABS 30 MG .....	5	cromolyn sodium NEBU .....	9
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40		CODEINE SULFATE TABS .....	5	crotamiton LOTN .....	42
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		colchicine TABS .....	48	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	56
clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	40	colchicine w/ probenecid .....	48	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	49
clocortolone pivalate .....	41	colesevelam hcl PACK .....	19	cyclobenzaprime hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	58
clofarabine .....	24	colesevelam hcl TABS .....	19	cyclophosphamide CAPS .....	23
clomipramine hcl .....	15	colestipol hcl GRAN .....	19	cyclophosphamide SOLR IJ .....	23
clonazepam TABS .....	11	colestipol hcl PACK .....	19	cycloserine .....	23
clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	colestipol hcl TABS .....	19	cyclosporine (ophth) EMUL .....	59
clonidine hcl TABS .....	20	COMETRIQ KIT .....	26	cyclosporine CAPS .....	55
clonidine PTWK .....	20	COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	66	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....	55
clopidogrel bisulfate 300 MG .....	48	COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	66	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	55
clopidogrel bisulfate 75 MG .....	48	COMIRNATY 2024-25 SUSY .....	66	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56
clorazepate dipotassium TABS .....	8	COMIRNATY SUSP .....	66	CYLTEZO AJKT .....	3
clotrimazole (topical) CREA .....	38	COMPLERA .....	30		
		CONTRAIVE .....	1		
		COPIKTRA .....	26		
		CORDRAN TAPE .....	41		

CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML .....	3	darunavir TABS 800 MG .....	30	desogestrel & ethinyl estradiol .....	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	dasatinib .....	26	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	DAURISMO .....	25	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	DEBACTEROL .....	56	desonide CREA .....	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3	decitabine .....	24	desonide LOTN .....	41
cyproheptadine hcl SYRP .....	19	deferasirox PACK .....	17	desonide OINT .....	41
cyproheptadine hcl TABS .....	19	deferasirox TABS .....	17	desoximetasone CREA 0.25 % .....	41
CYSTAGON CAPS .....	47	deferasirox TBSO .....	17	desoximetasone GEL .....	41
CYSTARAN .....	59	deferiprone TABS 500 MG .....	17	desoximetasone OINT 0.25 % .....	41
cytarabine SOLN .....	24	deflazacort SUSP .....	36	desvenlafaxine succinate 100 MG .....	14
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		deflazacort TABS .....	36	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
dacarbazine SOLR 200 MG .....	28	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	46	dexamethasone ELIX .....	36
dactinomycin .....	26	DELSTRIGO .....	30	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	36
dalfampridine .....	62	demeclocycline hcl TABS .....	63	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	59
danazol CAPS .....	7	DEPO-ESTRADIOL .....	46	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	36
dantrolene sodium CAPS .....	58	DEPO-MEDROL SUSP .....	36	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML .....	36
dapagliflozin propanediol .....	17	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	36	dexamethasone SOLN .....	36
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG .....	15	desipramine hcl TABS .....	15	dexamethasone TABS .....	36
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG .....	15	desloratadine TABS .....	19	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
dapsone .....	22	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	19	dexlansoprazole .....	64
DAPTACEL .....	64	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45	dexmethylphenidate hcl CP24 .....	2
daptomycin 500 MG .....	22	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	45	dexmethylphenidate hcl TABS .....	2
darifenacin hydrobromide .....	65	desmopressin acetate spray .....	45	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1
darunavir TABS 600 MG .....	30	desmopressin acetate spray refrigerated .....	45		
		desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45			
		desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45			



dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1	DIFICID TABS .....	51	DIPENTUM .....	47
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .	1	diflorasone diacetate CREA .....	41	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG	18
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG .....	1	diflorasone diacetate OINT .....	41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....	18
dextrose in lactated ringers .....	54	difluprednate .....	59	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML .....	18
DIACOMIT CAPS .....	12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML .....	33	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	19
DIACOMIT PACK 250 MG .....	12	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	33	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17
DIACOMIT PACK 500 MG .....	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	53	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	53	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	64
diazepam CONC .....	8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) .....	13	dipyridamole .....	48
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ....	8	DILANTIN .....	13	disopyramide phosphate CAPS ....	8
diazepam TABS .....	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	13	disulfiram .....	61
diazoxide .....	16	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24 .....	13
dichlorphenamide .....	43	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	33	divalproex sodium TBEC .....	13
diclofenac epolamine PTCH EX ...	39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	33	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	28
diclofenac potassium TABS 50 MG .	4	diltiazem hcl CP12 .....	33	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	28
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	39	diltiazem hcl CP24 .....	33	docusate calcium .....	50
diclofenac sodium (ophth) .....	59	diltiazem hcl extended release beads .....	33	docusate sodium CAPS 100 MG ..	50
diclofenac sodium (topical) GEL EX	39	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33	docusate sodium CAPS 250 MG ..	50
diclofenac sodium TB24 .....	4	DILTIAZEM HCL SOLR .....	33	dofetilide .....	8
diclofenac sodium TBEC .....	4	diltiazem hcl TABS .....	33	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	61
diclofenac w/ misoprostol TBEC ....	4	diltiazem hcl TB24 .....	33	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG .....	61
dicloxacillin sodium .....	61	dimethyl fumarate CDPK .....	62	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	61
dicyclomine hcl CAPS .....	64	dimethyl fumarate CPDR .....	62	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG	61
dicyclomine hcl SOLN OR .....	64			DOPTelet .....	49
dicyclomine hcl TABS .....	64				
DIFFERIN LOTN .....	37				

doxercalciferol CAPS	45	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42	46	electrolyte-a	54
doxercalciferol SOLN	45	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	42	ELESTRIN GEL	46
doxorubicin hcl liposomal SUSP	26	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42	46	eletriptan hydrobromide	53
doxorubicin hcl SOLN	26	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42	46	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	42	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	63	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	10
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	63	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	51	ELIQUIS TABS	10
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	63	DUREX TROPICAL MISC	51	ELLA	36
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	63	dutasteride	47	ELMIRON CAPS	47
doxycycline hyclate CAPS	63	econazole nitrate CREA	38	ELOCTATE	48
doxycycline hyclate SOLR	63	EDARBI	20	EMCYT	25
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	63	EDURANT	30	EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36
doxylamine-pyridoxine TBEC	18	efavirenz CAPS 200 MG	30	EMFLAZA TABS (deflazacort)	36
dronabinol CAPS	18	efavirenz CAPS 50 MG	30	EMGALITY SOAJ	53
drosiprenone-ethinyl estradiol	35	efavirenz TABS	30	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	53
drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	35	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	53
DROXIA CAPS	49	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMSAM	13
		EGRIFTA 2 MG	45	emtricitabine CAPS	30
		EGRIFTA SV	45	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	30
		ELAPRASE	45	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30
		electrolyte-148	54	EMTRIVA SOLN	30
				EMVERM CHEW	7
				enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21	
				enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 21	
				enalapril maleate TABS	20

ENBREL MINI SOCT .....	4	epoprostenol sodium .....	33	14
ENBREL SOLN .....	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS		escitalopram oxalate TABS 5 MG .
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4	56		14
ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4	EQUETRO .....	29	esomeprazole magnesium CPDR 20
ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4	ERAXIS .....	18	MG .....
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	66	ERBITUX .....	25	64
ENGERIX-B SUSY .....	66	ergocalciferol CAPS .....	69	esomeprazole magnesium CPDR 40
enoxaparin sodium SOLN IJ 300		ergocalciferol SOLN OR .....	69	MG .....
MG/3ML .....	11	ergoloid mesylates TABS .....	62	64
enoxaparin sodium SOSY 100		ERGOMAR SUBL .....	53	esomeprazole magnesium TBEC .
MG/ML, 150 MG/ML .....	11	ergotamine w/ caffeine TABS .....	53	64
enoxaparin sodium SOSY 30		eribulin mesylate .....	28	ESPEROCT .....
MG/0.3ML .....	11	ERIVEDGE .....	25	48
enoxaparin sodium SOSY 40		ERLEADA 240 MG .....	25	estazolam .....
MG/0.4ML .....	11	ERLEADA 60 MG .....	25	50
enoxaparin sodium SOSY 60		erlotinib hcl .....	25	estradiol GEL 0.06 % .....
MG/0.6ML .....	11	ERTACZO .....	38	46
enoxaparin sodium SOSY 80		ertapenem sodium IJ .....	22	estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5
MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	11	erythromycin (acne aid) PADS .....	37	MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1
ENSPRYNG .....	56	erythromycin (acne aid) SOLN .....	37	MG/GM, 1.25 MG/1.25GM .....
entacapone .....	28	erythromycin (ophth) .....	59	46
entecavir TABS .....	31	erythromycin base CPEP .....	51	estradiol PTTW .....
EPIDIOLEX .....	12	erythromycin base TABS .....	51	46
epinastine hcl (ophth) .....	59	erythromycin base TBEC .....	51	estradiol PTWK .....
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15		erythromycin ethylsuccinate SUSR		46
MG/0.3ML .....	69	51		69
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3		erythromycin ethylsuccinate TABS		69
MG/0.3ML .....	69	51		69
EPIVIR HBV SOLN .....	31	escitalopram oxalate SOLN .....	14	estradiol vaginal CREA .....
eplerenone .....	21	escitalopram oxalate TABS 10 MG		69
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000		14		estradiol vaginal TABS .....
UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000		escitalopram oxalate TABS 20 MG		69
UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	49			estradiol valerate .....
				46
				ESTROGEL GEL (estradiol) .....
				46
				eszopiclone .....
				50
				ethacrynic acid .....
				44
				ethambutol hcl TABS .....
				23
				ethosuximide CAPS .....
				13
				ethosuximide SOLN .....
				13
				ethynodiol diacet & eth estrad ....
				35
				etodolac CAPS .....
				4
				etodolac TABS .....
				4
				etonogestrel-ethinyl estradiol .....
				36
				ETOPOPHOS .....
				28
				etoposide CAPS .....
				28

etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML .....	9	FIRMAGON .....	25
etravirine 100 MG .....	30	FC2 FEMALE CONDOM .....	51	flavoxate hcl .....	65
etravirine 200 MG .....	30	febuxostat .....	48	flecainide acetate .....	8
EUCRISA .....	42	felbamate SUSP .....	13	floxuridine .....	24
EVAMIST SOLN .....	46	felbamate TABS 400 MG .....	13	FLUAD 2024-2025 .....	66
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	56	felbamate TABS 600 MG .....	13	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	66
everolimus (immunosuppressant) 1 MG .....	56	felodipine .....	33	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	66
everolimus TABS .....	26	FEMCAP DEVI .....	51	FLUARIX 2024-2025 SUSY .....	66
EVOTAZ .....	30	FEMLYV TBDP .....	35	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	66
exemestane .....	25	FEMRING .....	69	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	66
ezetimibe .....	20	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	66
ezetimibe-simvastatin .....	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	19	FLUBLOK 2024-2025 SOSY .....	66
famciclovir 125 MG, 250 MG .....	32	fenoprofen calcium TABS .....	4	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023 .....	66
famciclovir 500 MG .....	32	FENSOLVI SC .....	45	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024 .....	66
famotidine in nacl SOLN .....	64	fentanyl citrate LPOP .....	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	66
famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	64	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	66
famotidine SUSR .....	64	ferrous fumarate-folic acid .....	49	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	66
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	49	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	66
FANAPT .....	29	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG .....	49	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	66
FANAPT TITRATION PACK .....	29	ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	49	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	66
FANTASY LUBRICATED MISC ...	51	fesoterodine fumarate .....	65	fluconazole SUSR .....	18
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51	51	FETZIMA CP24 .....	14	fluconazole TABS .....	18
FARXIGA (dapagliflozin propanediol) .....	17	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	14	flucytosine .....	18
FARXIGA .....	17	finasteride .....	48	fludarabine phosphate SOLN .....	24
FASENRA PEN SOAJ .....	9	fingolimod hcl .....	62		
		FIRDAPSE .....	23		

fludarabine phosphate SOLR .....24	fluoxetine hcl SOLN .....14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG .....14
fludrocortisone acetate TABS .....36	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	FLUZONE 2024-2025 SUSP ..... 67
FLULAVAL 2024-2025 SUSY ..... 66	fluoxetine hcl TABS 20 MG ..... 14	FLUZONE 2024-2025 SUSY ..... 67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....66	fluphenazine hcl CONC .....30	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY ..... 67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....66	fluphenazine hcl ELIX .....30	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023 ..... 67
FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025 ..... 67	fluphenazine hcl SOLN ..... 30	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024 ..... 67
FLUMIST QUADRIVALENT ..... 67	fluphenazine hcl TABS .....30	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP ..... 67
flunisolide (nasal) 0.025 % .....58	flurandrenolide CREA .....41	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY ..... 67
fluocinolone acetonide (otic) ..... 60	flurandrenolide LOTN .....41	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP ..... 67
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41	flurazepam hcl .....50	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY ..... 67
fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....41	flurbiprofen sodium .....59	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP ..... 67
fluocinolone acetonide OIL ..... 41	flurbiprofen TABS ..... 4	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY ..... 67
fluocinolone acetonide OINT ..... 41	flutamide .....25	FML FORTE SUSP .....59
fluocinolone acetonide SOLN ..... 41	fluticasone furoate-vilanterol ..... 10	FML OINT .....59
fluocinonide CREA .....41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB ..... 9	folic acid TABS .....49
fluocinonide emulsified base .....41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11
fluocinonide GEL .....41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11
fluocinonide OINT .....41	fluticasone propionate hfa .....9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11
fluocinonide SOLN .....41	fluticasone propionate LOTN ..... 41	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11
fluorometholone (ophth) SUSP ....59	fluticasone propionate OINT .....41	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS .....43
fluorouracil (topical) CREA 5 % ....39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT .....10	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..43
fluorouracil (topical) SOLN .....39	fluticasone-salmeterol AERO ..... 10	formoterol fumarate NEBU .....10
fluorouracil 500 MG/10ML ..... 24	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	FORTEO SOPN (teriparatide) .....44
fluoxetine hcl CAPS 10 MG .....14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	
fluoxetine hcl CAPS 20 MG .....14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	
fluoxetine hcl CAPS 40 MG .....14		
fluoxetine hcl CPDR .....14		

FOSAMAX PLUS D .....	44	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	44	gefitinib .....	25
fosamprenavir calcium TABS .....	30	furosemide TABS .....	44	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	24
fosfomycin tromethamine .....	22	FUZEON SOLR .....	30	gemfibrozil TABS .....	19
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide .....	21	FYCOMPA TABS 2 MG .....	11	GENOTROPIN CART SC .....	45
fosinopril sodium .....	20	FYCOMPA TABS 4 MG .....	11	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY .....	45
fosphenytoin sodium .....	13	FYCOMPA TABS 6 MG .....	11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2
FRAGMIN SOSY .....	11	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	11	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	59
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	52	gabapentin CAPS .....	12	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM .....	52	gabapentin SOLN .....	12	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	38
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM .....	52	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GALAFOLD .....	45	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	galantamine hydrobromide CP24 ..	61	GENVOYA .....	30
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	galantamine hydrobromide SOLN ..	61	GILOTRIF .....	25
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	galantamine hydrobromide TABS ..	61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML ..	62
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	60	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML ..	62
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML .....	60	GLEOSTINE 10 MG .....	24
frovatriptan succinate .....	54	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	60	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....	24
fulvestrant SOSY .....	25	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	60	glimepiride 1 MG, 2 MG .....	17
		GAMUNEX-C .....	60	glimepiride 4 MG .....	17
		ganciclovir sodium SOLR .....	31	glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	17
		ganirelix acetate .....	45	glipizide TB24 .....	17
		GARDASIL 9 SUSP .....	67	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	15
		GARDASIL 9 SUSY .....	67	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....	15
		gatifloxacin (ophth) .....	59	GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	42
				glucagon (rdna) .....	16

glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....	17	HALOG OINT .....	41	hydralazine hcl TABS .....	21
glyburide TABS .....	17	haloperidol decanoate .....	29	hydrochlorothiazide CAPS .....	44
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....	15	haloperidol lactate CONC .....	29	hydrochlorothiazide TABS .....	44
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	15	haloperidol lactate SOLN .....	29	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .37	
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	47	haloperidol TABS .....	29	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	6
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....	64	HAVRIX .....	67	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML .....	6
glycopyrrolate TABS 1 MG .....	64	HEMANGEOL SOLN OR .....	32	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG .....	6
glycopyrrolate TABS 2 MG .....	64	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	11	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6
GLYXAMBI .....	15	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6
GNP PRENATAL TABS .....	56	HEPLISAV-B SOSY .....	67	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....	6
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....	43	HIBERIX SOLR IJ .....	65	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....	6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HUMATROPE CART IJ .....	45	hydrocortisone (intrarectal) .....	7
granisetron hcl TABS .....	17	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML .....	3	hydrocortisone (rectal) EX .....	7
GRASTEK SUBL .....	2	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .3		hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....	41
griseofulvin microsize SUSP .....	18	HUMIRA PEN AJKT .....	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	
griseofulvin microsize TABS .....	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT .....	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....	41
griseofulvin ultramicrosize .....	18	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT .....	3	hydrocortisone acetate (rectal) .....	7
guanfacine hcl (adhd) .....	1	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT .....	3	hydrocortisone butyrate CREA ....	41
guanfacine hcl .....	20	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC ....	16	hydrocortisone butyrate OINT .....	41
GYNAZOLE-1 .....	68	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....	16	hydrocortisone butyrate SOLN ....	41
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ ....	3	HYCAMTIN CAPS .....	28	hydrocortisone sod succinate 100 MG .....	36
HADLIMA SOSY .....	3	hydralazine hcl SOLN .....	21		
HAEGARDA SOLR SC .....	48				
HALAVEN (eribulin mesylate) ....	28				
halcinonide CREA .....	41				
halobetasol propionate CREA ....	41				
halobetasol propionate OINT .....	41				

hydrocortisone TABS .....	36	800 MG .....	4	INGREZZA CPPK .....	62
hydrocortisone vaginal .....	68	icatibant acetate SOLN .....	48	INGREZZA CPSP .....	62
hydrocortisone valerate CREA .....	41	icatibant acetate SOSY .....	48	INLYTA .....	24
hydrocortisone valerate OINT .....	41	ICLUSIG .....	26	INREBIC .....	26
hydrocortisone w/acetic acid .....	60	icosapent ethyl 1 GM .....	19	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16
hydromorphone hcl LIQD .....	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	26	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16
hydromorphone hcl SOLN IJ 10		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10		INSULIN ASPART	
MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .		MG/10ML .....	26	PROTAMINE/INSULIN ASPART	
5		IDELVION .....	48	FLEXPEN SUPN .....	16
hydromorphone hcl TABS .....	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	24	INSULIN ASPART	
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	ifosfamide SOLR .....	24	PROTAMINE/INSULIN ASPART	
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12		imatinib mesylate .....	26	SUSP .....	16
MG, 16 MG .....	5	IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	26	INSULIN ASPART SOLN IJ .....	16
hydroxychloroquine sulfate 100 MG		IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH	
23		IMBRUVICA SUSP .....	26	SOPN .....	16
hydroxychloroquine sulfate 200 MG		IMBRUVICA TABS .....	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	16
23		imipenem-cilastatin IV .....	22	INTELENCE 25 MG .....	30
hydroxychloroquine sulfate 400 MG		imipramine hcl TABS .....	15	INTRAROSA .....	68
23		imipramine pamoate .....	15	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ...	54
hydroxyurea .....	28	imiquimod 5 % .....	42	IOPIDINE .....	58
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	IMPAVIDO .....	21	IPOL INACTIVATED IPV .....	67
hydroxyzine hcl SYRP .....	8	INCRELEX .....	45	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	
hydroxyzine hcl TABS .....	8	INCRUSE ELLIPTA .....	9	58	
hydroxyzine pamoate CAPS .....	8	indapamide TABS 1.25 MG .....	44	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	
HYPERSAL NEBU .....	37	indapamide TABS 2.5 MG .....	44	58	
HYQVIA .....	60	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9
ibandronate sodium SOLN .....	44	indomethacin CPCR .....	4	ipratropium-albuterol SOLN .....	10
ibandronate sodium TABS .....	44	INFANRIX .....	64	irbesartan .....	20
IBRANCE CAPS .....	26	INFLECTRA SOLR .....	47	irbesartan-hydrochlorothiazide ....	21
IBRANCE TABS .....	26	INGREZZA CAPS .....	62	IRESSA (gefitinib) .....	25
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	4			irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG,					



MG/5ML .....	28	JANUVIA .....	16	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 51	
irrigation solutions, physiological ..	56	JARDIANCE .....	17	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	51
ISENTRESS CHEW .....	31	JEVTANA .....	28	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 51	
ISENTRESS HD TABS .....	31	JIVI .....	48	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	51
ISENTRESS TABS .....	31	JULUCA .....	31	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 51	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	54	JYNARQUE TBPK .....	46	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	51
ISOLYTE-S .....	54	KALYDECO TABS .....	63	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 51	
isoniazid SOLN .....	23	KAMELEON LUBRICATED MISC .	51	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....	51
isoniazid SYRP .....	23	KANJINTI .....	24	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 51	
isoniazid TABS .....	23	KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	54	KIMONO SPECIAL DEVI .....	51
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	8	KEPIVANCE 6.25 MG .....	28	KINRIX SUSY .....	64
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33		KESIMPTA .....	62	KISQALI .....	26
isosorbide mononitrate TABS .....	8	ketoconazole (topical) CREA .....	38	KISQALI FEMARA 200 DOSE ....	26
isosorbide mononitrate TB24 .....	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	38	KISQALI FEMARA 400 DOSE ....	26
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	37	ketoconazole .....	18	KISQALI FEMARA 600 DOSE ....	26
isradipine CAPS .....	33	KETONE STRP .....	43	KLARITY-A .....	59
itraconazole CAPS .....	18	KETONE TEST STRIPS STRP ...	43	KLOXXADO LIQD .....	17
itraconazole SOLN .....	18	ketoprofen CAPS 50 MG .....	4	KOGENATE FS KIT .....	48
ivabradine hcl TABS .....	34	ketorolac tromethamine (ophth) ..	59	KOSELUGO .....	26
ivermectin (pediculicide) .....	42	ketorolac tromethamine TABS .....	4	KOVALTRY .....	48
ivermectin .....	8	KETOSTIX STRP .....	43	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	56
IXEMPRA KIT 15 MG .....	28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60		KRINTAFEL .....	23
JAKAFI .....	26	KEVZARA SOAJ .....	3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....	51
JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	67	KEVZARA SOSY .....	4	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	51
JANUMET TABS .....	15	KIMONO COLORS DEVI .....	51		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	15	KIMONO LUBRICATED MISC ....	51		
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	51		

KYPROLIS .....	27	lanthanum carbonate CHEW .....	47	levetiracetam TABS 1000 MG .....	12
labetalol hcl SOLN .....	32	lapatinib ditosylate .....	27	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG .....	12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32		LASTACAFT .....	60	levetiracetam TABS 500 MG .....	12
labetalol hcl TABS 300 MG .....	32	latanoprost SOLN .....	60	levetiracetam TB24 .....	12
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12		leflunomide .....	4	levobunolol hcl 0.5 % .....	58
lacosamide TABS .....	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....	55	levocetirizine dihydrochloride SOLN 19	
lactated ringer's (irrigation) .....	56	lenalidomide 20 MG .....	55	levocetirizine dihydrochloride TABS 19	
lactated ringer's .....	54	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin (ophth) 0.5 % .....	59
lactic acid (ammonium lactate) CREA .....	42	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML .....	46
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....	42	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin SOLN OR .....	46
lactulose (encephalopathy) .....	47	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..	24	levofloxacin TABS .....	46
lactulose SOLN .....	50	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..	24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	
LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (lamotrigine) .....	12	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ..	24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG .....	36
lamivudine (hbv) TABS .....	31	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE ..	24	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) .....	35
lamivudine SOLN .....	31	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE ..	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG .....	35
lamivudine TABS 150 MG .....	31	letrozole .....	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) .....	35
lamivudine TABS 300 MG .....	31	leucovorin calcium SOLR .....	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	
lamivudine-zidovudine .....	31	leucovorin calcium TABS .....	28	levorphanol tartrate TABS 2 MG ....	5
lamotrigine CHEW 25 MG .....	12	LEUKERAN .....	24	levothyroxine sodium TABS .....	63
lamotrigine CHEW 5 MG .....	12	LEUKINE SOLR IJ .....	49	LEXIVA SUSP .....	31
lamotrigine TABS .....	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....	25	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....	50
lamotrigine TBDP .....	12	levabuterol hcl .....	10	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	56
LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	33	levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ...	10	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	56
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) .....	33	levabuterol tartrate .....	10		
lansoprazole CPDR 15 MG .....	64	LEVEMIR FLEXPEN SOPN .....	16		
lansoprazole CPDR 30 MG .....	64	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ....	16		
		LEVEMIR SOLN .....	16		
		levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12			

lidocaine hcl GEL 2 %	42	loratadine TBDP	19	30 MG	45
lidocaine hcl PRSY	42	lorazepam CONC	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29
lidocaine hcl SOLN	42	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	lurasidone hcl 80 MG	29
lidocaine PTCH 5 %	42	lorazepam TABS 1 MG	8	LYNPARZA TABS	27
lidocaine-prilocaine CREA	42	LORBRENA	27	LYSODREN	25
lincomycin hcl	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21	mafenide acetate PACK	40
linezolid SUSR	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	21	magnesium sulfate IJ 50 %	55
linezolid TABS	22	losartan potassium	20	malathion	42
LINZESS	47	LOTEMAX OINT	59	maraviroc TABS 150 MG	31
liothyronine sodium SOLN	63	loteprednol etabonate GEL	59	maraviroc TABS 300 MG	31
liothyronine sodium TABS	63	loteprednol etabonate SUSP	59	MARPLAN	13
lisdexamphetamine dimesylate CAPS 1		lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19	MASONATAL TABS	57
lisdexamphetamine dimesylate CHEW 1		lovastatin TABS 40 MG	19	MATULANE	28
lisinopril & hydrochlorothiazide	21	loxapine succinate	29	MAXIDEX SUSP OP	59
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20	lubiprostone	47	MAXX LUBRICATED MISC	51
lithium	29	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	61	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	51
lithium carbonate CAPS	29	luliconazole	38	meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 18	
lithium carbonate TABS	29	LUMIZYME	45	meclofenamate sodium CAPS	4
lithium carbonate TBCR	29	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	36
LO LOESTRIN FE TABS	35	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36
lofexidine hcl	61	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36
LOKELMA	56	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	61
loperamide hcl CAPS	17	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	45	mefenamic acid CAPS	4
lopinavir-ritonavir SOLN	31	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	45	mefloquine hcl	23
lopinavir-ritonavir TABS	31	11.25 MG	45	megestrol acetate (appetite)	61
loratadine CAPS	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)		megestrol acetate SUSP	25
loratadine CHEW	19				
loratadine SOLN	19				
loratadine TABS	19				

megestrol acetate TABS .....	25	metformin hcl TB24 750 MG .....	16	methylphenidate hcl CPRC .....	2
MEKINIST TABS .....	27	methadone hcl CONC .....	5	methylphenidate hcl SOLN .....	2
MEKTOVI .....	27	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2
meloxicam TABS .....	4	methadone hcl SOLN OR .....	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2
melphalan .....	24	methadone hcl TABS 10 MG .....	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG .....	2
melphalan hcl IV .....	24	methadone hcl TABS 5 MG .....	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2
memantine hcl TABS .....	61	methadone hcl TBSO .....	5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2
MENACTRA .....	65	methamphetamine hcl .....	1	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2
MENEST .....	46	methazolamide TABS .....	43	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2
MENOSTAR PTWK .....	46	methenamine hippurate .....	22	methylphenidate PTCH .....	2
MENQUADFI .....	65	methimazole TABS .....	63	methylprednisolone acetate SUSP	36
MENVEO SOLR .....	65	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG .....	58	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	36
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5	METHOTREXATE .....	3	methylprednisolone TABS .....	36
meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	24	methylprednisolone TBPK .....	36
meperidine hcl TABS 50 MG .....	5	methotrexate sodium SOLR .....	24	methyltestosterone TABS .....	7
meprobamate .....	8	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24		metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	47
mercaptopurine TABS .....	24	methoxsalen rapid .....	39	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	47
meropenem .....	22	methscopolamine bromide .....	64	metoclopramide hcl TABS .....	47
mesalamine CP24 .....	47	methsuximide .....	13	metolazone .....	44
mesalamine CPDR .....	47	methyl dopa TABS .....	20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	21
mesalamine ENEM .....	47	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2		metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	21
mesalamine SUPP .....	47	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2		metoprolol succinate TB24 200 MG	
mesalamine TBEC 1.2 GM .....	47	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2			
mesalamine TBEC 800 MG .....	47	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG .....	2		
metaxalone 800 MG .....	58	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG .....	2		
metformin hcl TABS 1000 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2			
metformin hcl TABS 500 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 .....	2		
metformin hcl TABS 850 MG .....	16				
metformin hcl TB24 500 MG .....	16				

32	mitomycin SOLR IV 20 MG .....26	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML ..... 5
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....32	mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....26	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML ..... 5
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....32	M-M-R II SOLR .....67	morphine sulfate TABS ..... 5
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG ..... 32	M-NATAL PLUS TABS .....57	morphine sulfate TBCR ..... 5
metronidazole (topical) CREA .....42	modafinil 100 MG .....2	MOTOFEN ..... 17
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42	modafinil 200 MG .....2	MOVANTIK .....47
metronidazole (topical) GEL 1 % ..42	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....67	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 59
metronidazole (topical) LOTN ..... 42	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 67	moxifloxacin hcl in sodium chloride 46
metronidazole TABS .....21	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY . 67	moxifloxacin hcl TABS .....46
metronidazole vaginal .....68	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...67	MOZOBIL (plerixafor) ..... 49
mexiletine hcl .....8	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .67	MULPLETA .....49
micafungin sodium ..... 18	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....67	MULTI PRENATAL TABS ..... 57
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG ..... 68	moexipril hcl .....20	mupirocin calcium (topical) .....38
midodrine hcl .....69	mometasone furoate (nasal) SUSP 58	mupirocin OINT ..... 38
miglitol .....15	mometasone furoate CREA .....41	MVASI .....24
miglustat .....49	mometasone furoate OINT .....41	MYALEPT .....45
minocycline hcl CAPS ..... 63	mometasone furoate SOLN .....41	mycophenolate mofetil CAPS .....56
minocycline hcl TABS .....63	montelukast sodium CHEW .....9	mycophenolate mofetil TABS .....56
minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....21	montelukast sodium PACK .....9	mycophenolate sodium .....56
MIRCERA .....49	montelukast sodium TABS .....9	MYLERAN TABS ..... 24
mirtazapine TABS 15 MG .....13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG .....5	nabumetone ..... 4
mirtazapine TABS 30 MG .....13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML ..... 5	nadolol TABS 20 MG ..... 32
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13		nadolol TABS 40 MG ..... 32
mirtazapine TBDP 15 MG .....13		nadolol TABS 80 MG ..... 32
mirtazapine TBDP 30 MG .....13		nafcillin sodium IV 10 GM .....61
mirtazapine TBDP 45 MG .....13		naftifine hcl CREA 1 % .....38
misoprostol .....65		naftifine hcl CREA 2 % .....38
		NAGLAZYME ..... 45

nalbuphine hcl .....	7	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	57	SYSTEM KIT .....	62
naloxone hcl LIQD .....	17	NEONATAL PLUS TABS .....	57	NICOTROL INHALER INHA .....	62
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....	17	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS .....	57	NICOTROL NS SOLN .....	62
naltrexone hcl .....	17	NEONATAL VITAMIN TABS .....	57	nifedipine CAPS 10 MG .....	33
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nifedipine CAPS 20 MG .....	33
naproxen SUSP .....	4	NEO-SYNALAR .....	38	nifedipine TB24 60 MG .....	33
naproxen TABS .....	4	NEUPRO .....	29	nifedipine TB24 90 MG .....	33
naproxen TBEC 500 MG .....	4	NEVANAC .....	60	nifedipine TB24 .....	33
naratriptan hcl .....	54	nevirapine SUSP .....	31	nilutamide .....	25
NATACYN .....	59	nevirapine TABS .....	31	nimodipine CAPS .....	33
NATAZIA .....	35	nevirapine TB24 100 MG .....	31	NINLARO .....	27
nateglinide .....	17	nevirapine TB24 400 MG .....	31	NIPENT .....	28
NAYZILAM .....	11	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) .....	64	nisoldipine .....	33
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32		NEXTSTELLIS .....	35	nitazoxanide TABS .....	22
nebivolol hcl 20 MG .....	32	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	20	nitisinone CAPS .....	45
NEBUSAL NEBU .....	37	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	69	NITRO-BID OINT .....	8
nefazodone hcl .....	14	niacin TABS .....	69	nitrofurantoin .....	22
nelarabine .....	24	niacin TBCR .....	69	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG .....	22
neomycin sulfate TABS .....	2	NIACIN TR TBCR .....	69	nitrofurantoin monohyd macro ....	22
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	niacinamide TABS .....	69	nitroglycerin (intra-anal) .....	7
neomycin-polymy-dexameth OINT	59	nicardipine hcl CAPS .....	33	nitroglycerin CPCR .....	8
neomycin-polymy-dexameth SUSP	59	nicardipine hcl SOLN .....	33	nitroglycerin PT24 .....	8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	59	nicotine MISC XX .....	62	NITROGLYCERIN SOLN IV .....	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	60	nicotine polacrilex GUM .....	62	nitroglycerin SUBL .....	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	60	nicotine polacrilex LOZG .....	62	NIVA-PLUS TABS .....	57
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	62	nizatidine CAPS .....	64
		NICOTINE TRANSDERMAL		NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML .....	45
				NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	

MG/1.5ML .....	45	TESTSTRIPS .....	43	nystatin (topical) POWD EX .....	38
norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	67	nystatin TABS .....	18
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	67	nystatin-triamcinolone CREA .....	38
norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY .....	67	nystatin-triamcinolone OINT .....	38
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG .....	35	NOVOEIGHT .....	48	NYVEPRIA .....	49
norethindrone & eth estradiol .....	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	octreotide acetate KIT .....	46
norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN 70/30 SUSP .....	16	octreotide acetate SOLN .....	46
norethindrone (contraceptive) .....	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16	ODEFSEY .....	31
norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN N SUSP .....	16	ODOMZO .....	25
norethindrone acetate TABS .....	61	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	OFEV .....	63
norethindrone acetate-ethinyl estradiol .....	46	NOVOLIN R SOLN IJ .....	16	ofloxacin (ophth) .....	59
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe .....	35	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18	ofloxacin (otic) .....	60
norethindrone-eth estradiol (triphasic) .....	35	NP THYROID 120 TABS .....	63	ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	46
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) .....	35	NP THYROID 15 TABS .....	63	OGIVRI .....	24
norgestimate-ethinyl estradiol ...	35	NP THYROID 30 TABS .....	63	olanzapine SOLR .....	29
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG .....	35	NP THYROID 60 TABS .....	63	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29
NORMOSOL-M/D5W .....	54	NP THYROID 90 TABS .....	63	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	29
NORMOSOL-R .....	54	NUCALA SOAJ .....	9	olanzapine TBDP 20 MG .....	29
nortriptyline hcl CAPS .....	15	NUCALA SOLR .....	9	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	29
nortriptyline hcl SOLN .....	15	NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	9	olmesartan medoxomil .....	20
NORVIR CAPS .....	31	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	9	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	21
NORVIR PACK .....	31	NUCYNTA ER TB12 .....	5	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	21
NORVIR SOLN .....	31	NUCYNTA TABS .....	6	olopatadine hcl (nasal) .....	58
NOVA MAX PLUS KETONE		NUEDEXTA .....	62	olopatadine hcl 0.1 % .....	60
		NULOJIX .....	56	olopatadine hcl 0.2 % .....	60
		nystatin (mouth-throat) .....	56	omega-3-acid ethyl esters .....	19
		nystatin (topical) CREA .....	38	omeprazole CPDR .....	64
		nystatin (topical) OINT .....	38		

omeprazole magnesium CPDR ....64	orphenadrine citrate TB12 ..... 58	oxymorphone hcl TB12 40 MG ..... 6
omeprazole TBEC ..... 64	oseltamivir phosphate CAPS ..... 32	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....65	oseltamivir phosphate SUSR ..... 32	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....16
OMNIFLEX DIAPHRAGM .....52	OSMOPREP .....50	OZEMPIC SOPN .....16
ONCASPAR .....27	OSPHENA .....45	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....28
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17	OTEZLA TABS .....4	paclitaxel protein-bound particles .28
ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....17	OTEZLA TBPK .....4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .29
ondansetron hcl SOSY .....17	oxacillin sodium IV 10 GM ..... 61	paliperidone 6 MG ..... 29
ondansetron hcl TABS 24 MG .....17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....24	palonosetron hcl SOLN ..... 17
ondansetron hcl TABS 4 MG ..... 17	oxandrolone .....7	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML ..... 44
ondansetron hcl TABS 8 MG ..... 17	oxaprozin TABS .....4	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44
ondansetron TBDP 4 MG .....17	oxazepam CAPS ..... 8	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT ..... 43
ondansetron TBDP 8 MG .....17	OXBRYTA TABS 500 MG ..... 49	PANRETIN ..... 39
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS 57	oxcarbazepine SUSP ..... 12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 64
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS ..... 57	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG ..... 12	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE .....53	oxcarbazepine TABS 600 MG .....12	paricalcitol CAPS ..... 45
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G .....53	oxiconazole nitrate CREA .....39	paricalcitol SOLN ..... 45
OPILL .....36	OXISTAT LOTN .....39	paroxetine hcl SUSP .....14
OPSUMIT .....34	oxybutynin chloride SOLN ..... 65	paroxetine hcl TABS 10 MG ..... 14
ORENITRAM TBCR ..... 33	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...65	paroxetine hcl TABS 20 MG ..... 14
ORGOVYX ..... 25	oxybutynin chloride TB24 ..... 65	paroxetine hcl TABS 30 MG ..... 14
ORLISSA ..... 45	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....6	
ORKAMBI PACK .....63	oxycodone hcl TABS .....6	
ORKAMBI TABS .....63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....6	
ORLADEYO .....48	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG .....7	
	oxymorphone hcl TABS .....6	



paroxetine hcl TABS 40 MG .....	14	penicillin v potassium TABS .....	61	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68
paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	14	PENTACEL .....	64	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	68
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	14	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7		
PASER PACK .....	23	pentoxifylline .....	48	PHEBURANE PLLT .....	45
pazopanib hcl .....	27	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	20	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	48
PEDIARIX SUSY .....	64	perindopril erbumine 4 MG .....	20	phendimetrazine tartrate TABS .....	1
pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	56	PERJETA .....	24	phenelzine sulfata .....	13
PEDVAX HIB SUSP .....	65	permethrin CREA .....	42	phenobarbital ELIX .....	50
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	50	permethrin LIQD EX .....	42	phenobarbital TABS .....	50
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	50	perphenazine TABS .....	30	phenoxybenzamine hcl .....	20
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	50	perphenazine-amitriptyline .....	61	phentermine hcl CAPS .....	1
PEGASYS SOLN .....	31	PERSERIS PRSY .....	29	phenytoin CHEW .....	13
PEGASYS SOSY .....	31	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP .....	68	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	13
PEMAZYRE .....	27	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP .....	67	phenytoin sodium SOLN .....	13
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP ..	67	phenytoin SUSP .....	13
peniclovir .....	40	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP ..	67	PHEXXI .....	68
penicillamine CAPS .....	55	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	68	PHOSLYRA SOLN .....	47
penicillamine TABS .....	55	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP ..	67	PHOTOFRIN .....	28
penicillin g potassium 5000000 UNIT 60		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP ..	68	PIFELTRO .....	31
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	60			pilocarpine hcl (oral) .....	56
PENICILLIN G PROCAINE .....	60			pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % ..	58
penicillin g sodium .....	60			pimecrolimus .....	42
penicillin v potassium SOLR .....	60			pimozide .....	62
				pindolol TABS .....	32
				pioglitazone hcl .....	16
				pioglitazone hcl-glimepiride .....	15
				pioglitazone hcl-metformin hcl TABS ..	

15			
piperacillin sodium-tazobactam sodium	61	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	27		29
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	27		
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	27		29
pirfenidone CAPS	63	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	48
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	63		19
pirfenidone TABS 534 MG	63	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	8
piroxicam CAPS	4		20
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	54	potassium chloride microencapsulated crystals er	43
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	54		59
PLEGRIDY SOAJ	62	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	41
PLEGRIDY SOSY SC	62		59
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	62	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	59
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	62	55	36
plerixafor	49	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	36
PNEUMOVAX 23 SOSY	65		36
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	65	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	36
podofilox SOLN	42		36
polymyxin b sulfate SOLR	22	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	36
polymyxin b-trimethoprim	59		36
POMALYST	25	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	62
posaconazole SUSP	18		62
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	55	potassium citrate (alkalinizer) TBCR	62
potassium bicarbonate TBEF	55	47	12
potassium chloride CPCR	55	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	12
		PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	12
			12
		pralatrexate 20 MG/ML	12

PREHEVBRIO .....	68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG .....	31	propafenone hcl TABS .....	8
PREMARIN .....	69	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) .....	31	proparacaine hcl .....	59
PREMARIN SOLR .....	46	PRIFTIN .....	23	propranolol hcl CP24 .....	32
PREMARIN TABS .....	46	primaquine phosphate TABS .....	23	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	32
PREMPHASE .....	46	primidone 50 MG, 250 MG .....	12	propranolol hcl TABS .....	32
PREMPRO .....	46	PRIORIX SUSR .....	68	propylthiouracil .....	63
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57		probenecid .....	48	PROQUAD SUSR .....	68
PRENATAL ONE DAILY TABS ....	57	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		protriptyline hcl .....	15
PRENATAL PLUS TABS .....	57	prochlorperazine .....	30	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	57	prochlorperazine maleate TABS ..	30	PULMOZYME .....	63
PRENATAL TABS .....	57	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	49	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	57
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	57	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	49	pyrazinamide .....	23
PRENATAL VITAMIN TABS .....	57	progesterone CAPS .....	61	pyridostigmine bromide SOLN OR	23
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 57		PROGRAF PACK .....	56	pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	23
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	57	PROGRAF SOLN .....	56	pyridostigmine bromide TBCR .....	23
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT .....	57	PROLASTIN-C SOLN .....	63	pyrimethamine .....	23
PRENATRIX TABS .....	57	PROLEUKIN .....	28	QC PRENATAL TABS .....	57
PRENATRYL TABS .....	57	PROLIA SOSY .....	44	QINLOCK .....	27
PREVNAR 13 .....	65	PROMACTA PACK .....	49	QUADRACEL SUSP .....	64
PREVNAR 20 .....	65	PROMACTA TABS .....	49	QUADRACEL SUSY .....	64
PREZCOBIX .....	31	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML .....	19	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	30
PREZISTA SUSP .....	31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	19	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	30
PREZISTA TABS (darunavir) .....	31	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	30
		promethazine hcl TABS .....	19	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	30
		propafenone hcl CP12 .....	8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	20

quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	20	RECOMBIVAX HB SUSY .....	68	riluzole TABS .....	58
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .	7	rimantadine hydrochloride TABS ..	32
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	21	REGRANEX .....	42	ringer's .....	55
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	21	RELENZA DISKHALER .....	32	ringer's irrigation .....	56
quinidine sulfate TABS .....	8	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G .....	53	RINVOQ LQ SOLN .....	2
quinine sulfate CAPS 324 MG .....	23	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G .....	53	RINVOQ TB24 .....	3
QVAR REDIHALER .....	9	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G .....	53	risedronate sodium TABS 150 MG	44
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	57	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	43	risedronate sodium TABS 35 MG .	44
RA PRENATAL TABS .....	57	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	43	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG .....	44
rabeprazole sodium TBEC .....	65	RENFLXIS .....	47	risedronate sodium TBEC .....	44
raloxifene hcl .....	45	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	17	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) .....	29
ramelteon .....	50	repaglinide 2 MG .....	17	risperidone microspheres .....	29
ramipril CAPS .....	20	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	20	risperidone SOLN .....	29
ranitidine hcl TABS 150 MG .....	64	REPATHA SOSY .....	20	risperidone TABS .....	29
ranolazine TB12 1000 MG .....	8	REPATHA SURECLICK SOAJ .....	20	risperidone TBDP .....	29
ranolazine TB12 500 MG .....	8	RETACRIT .....	49	ritonavir TABS .....	31
rasagiline mesylate .....	29	RETEVMO CAPS .....	27	rivastigmine tartrate CAPS .....	61
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	52	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .	54
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	52	REXULTI .....	30	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	54
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52		ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	31	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .	54
REBIF REBIDOSE SOAJ .....	62	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31		rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	54
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	62	RIDAURA .....	3	roflumilast .....	9
REBIF SOSY .....	62	rifabutin .....	23	romidepsin SOLR .....	27
REBIF TITRATION PACK SOSY ..	62	rifampin CAPS .....	23	ropinirole hydrochloride TABS .....	29
RECOMBIVAX HB SUSP .....	68	rifampin SOLR .....	23	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	29
				ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG .....	29
				rosuvastatin calcium TABS .....	19

ROTARIX SUSP .....	68	SELECT LANCETS .....	53	SKYRIZI SOCT .....	47
ROTARIX SUSR .....	68	selegiline hcl CAPS .....	29	SKYRIZI SOLN .....	47
ROTATEQ SOLN .....	68	selegiline hcl TABS .....	29	SKYRIZI SOSY .....	39
ROZLYTREK CAPS .....	27	selenium sulfide LOTN 2.5 % .....	40	SLYND .....	36
RUBRACA .....	27	SELZENTRY SOLN .....	31	SM PRENATAL VITAMINS TABS .....	57
rufinamide SUSP .....	12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31		SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) .....	54
rufinamide TABS 200 MG .....	12	SEREVENT DISKUS .....	10	sodium acetate SOLN .....	54
rufinamide TABS 400 MG .....	12	sertraline hcl CONC .....	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47
RUKOBIA .....	31	sertraline hcl TABS 100 MG .....	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % .....	37
RUXIENCE .....	24	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14		sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	55
RYBELSUS TABS .....	16	sevelamer carbonate PACK .....	47	sodium citrate & citric acid .....	47
salsalate .....	5	sevelamer carbonate TABS .....	47	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG .....	55
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate) .....	46	SHINGRIX .....	68	sodium phenylbutyrate POWD ....	45
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .....	46	SIGNIFOR .....	46	sodium phenylbutyrate TABS .....	45
SANTYL OINT .....	42	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN .....	34	sodium polystyrene sulfonate POWD 56	
sapropterin dihydrochloride PACK .....	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR .....	34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML .....	56
sapropterin dihydrochloride TABS .....	45	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS .....	34	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate .....	50
SAVELLA TABS .....	61	sildenafil citrate .....	33	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS .....	32
SAVELLA TITRATION PACK MISC 61		silodosin .....	48	solifenacin succinate TABS .....	65
saxagliptin hcl .....	16	silver sulfadiazine .....	40	SOLQUA 100/33 .....	15
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG .....	15	SIMPONI ARIA SOLN .....	3	SOLOSEC .....	2
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....	15	SIMULECT .....	56	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG .....	36
SCSEMBLIX 100 MG .....	27	simvastatin TABS .....	19	SOLU-CORTEF 250 MG .....	36
SCSEMBLIX 20 MG .....	27	sirolimus TABS .....	56	SOLU-MEDROL 2 GM .....	36
SCSEMBLIX 40 MG .....	27	SIRTURO .....	23		
scopolamine .....	18	SIVEXTRO TABS .....	22		
SELECT INSULIN SYRINGES ....	53	SKYRIZI PEN SOAJ .....	39		

SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 45	STELARA SOSY 90 MG/ML .....39	22
sorafenib tosylate .....27	STENDRA .....33	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....22
SORBITOL 3 % .....47	STIOLTO RESPIMAT .....10	SULFAMYLON CREA ..... 40
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION .....47	STIVARGA .....27	sulfasalazine TABS ..... 47
sotalol hcl (afib/af) .....32	STRENSIQ .....45	sulfasalazine TBEC .....47
sotalol hcl TABS 240 MG .....32	streptomycin sulfate SOLR .....2	sulindac TABS ..... 4
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG .....32	STRIBILD .....31	sumatriptan .....54
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....68	STRIVERDI RESPIMAT .....10	sumatriptan succinate SOAJ ..... 54
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....68	SUBLOCADE SOSY .....7	sumatriptan succinate SOCT ..... 54
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY .....68	SUBSYS LIQD 100 MCG .....6	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....54
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY .....68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG .....6	sumatriptan succinate TABS ..... 54
spinosad .....42	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG .....6	sumatriptan-naproxen sodium .... 53
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..9	sucrafate SUSP .....64	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....27
SPIRIVA RESPIMAT AERS .....9	sucrafate TABS .....64	sunitinib malate 37.5 MG .....27
spironolactone & hydrochlorothiazide .....44	sulconazole nitrate CREA .....39	SUNOSI 150 MG .....1
spironolactone TABS .....44	sulconazole nitrate SOLN .....39	SUNOSI 75 MG .....1
SPRAVATO 56MG DOSE .....13	sulfacetamide sodium (acne) .... 37	SYNAREL .....45
SPRAVATO 84MG DOSE .....14	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 59	SYNERA PTCH .....42
SPRYCEL (dasatinib) .....27	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % .....37	SYNJARDY TABS .....15
stannous fluoride CONC .....56	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....15
stavudine CAPS .....31	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....15
STELARA 130 MG/26ML .....47	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % ....38	SYNRIBO .....28
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ... 39	sulfadiazine TABS .....63	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....64
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ... 39	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....22	TABLOID .....24
	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP.	TABRECTA .....27

tacrolimus (topical) OINT	42	TEMODAR SOLR	24	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	48
tacrolimus CAPS	56	temozolomide CAPS	24	thioridazine hcl	30
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34	temsirolimus	27	thiotepa 15 MG	24
tadalafil 5 MG	33	TENIVAC INJ	64	thiothixene	30
TAFINLAR CAPS	27	tenofovir disoproxil fumarate TABS 31		THYMOGLOBULIN	56
tafluprost	60	terazosin hcl	20	THYROGEN 0.9 MG	43
TAGRISSO 40 MG	25	terbinafine hcl TABS	18	tiagabine hcl	13
TAGRISSO 80 MG	25	terbutaline sulfate SOLN	10	TIBSOVO	27
TAKHZYRO SOLN	48	terbutaline sulfate TABS	10	tigecycline	63
TAKHZYRO SOSY	48	terconazole vaginal CREA	68	timolol maleate (ophth) SOLG	58
TALZENNA	27	terconazole vaginal SUPP	68	timolol maleate (ophth) SOLN	58
tamoxifen citrate TABS	25	teriflunomide	62	timolol maleate TABS	32
tamsulosin hcl	48	teriparatide SOPN	44	tiopronin TBEC 100 MG	48
TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	44	tiopronin TBEC 300 MG	48
TASIGNA 50 MG	27	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
tavorole	39	testosterone cypionate SOLN IM	7	TIVICAY TABS	31
TAVALISSE	48	testosterone enanthate SOLN IM	7	tizanidine hcl CAPS	58
tazarotene CREA 0.1 %	39	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	64	tizanidine hcl TABS	58
TAZVERIK	27	tetrabenazine	62	tobramycin (ophth) SOLN	59
TDVAX SUSP	64	tetracycline hcl CAPS	63	tobramycin NEBU	2
TEFLARO	35	THALOMID	55	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) 12		theophylline ELIX	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 59	
TEGRETOL TABS (carbamazepine) 12		theophylline SOLN	10	TODAY SPONGE MISC	68
TEGSEDI	63	theophylline TB12	10	tolcapone	28
telmisartan	20	theophylline TB24	10	tolmetin sodium CAPS	4
telmisartan-amlodipine	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	57	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
telmisartan-hydrochlorothiazide	21	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48	TOLSURA CAPS	18
temazepam	50				

tolterodine tartrate CP24 .....	65	TRELSTAR MIXJECT .....	25	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG .....	44
tolterodine tartrate TABS .....	65	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML .....	40	triamterene & hydrochlorothiazide TABS .....	44
tolvaptan TABS .....	46	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML .....	40	triamterene CAPS .....	44
topiramate CPSP 15 MG .....	12	TREMFYA SOLN .....	40	triazolam .....	50
topiramate CPSP 25 MG .....	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML .....	40	TRICARE TABS .....	57
topiramate CS24 .....	12	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML .....	40	trientine hcl 250 MG .....	55
topiramate TABS 200 MG .....	13	treprostinil SOLN IJ .....	33	trifluoperazine hcl TABS .....	30
topiramate TABS 25 MG, 100 MG .....	13	tretinoin (chemotherapy) .....	28	trifluridine .....	59
topiramate TABS 50 MG .....	13	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	38	trihexyphenidyl hcl SOLN .....	28
topotecan hcl SOLR .....	28	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	38	trihexyphenidyl hcl TABS .....	28
toremifene citrate .....	25	tretinoin microsphere 0.1 % .....	38	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .....	15
torseמידe TABS .....	44	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	24	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	15
TRACLEER TBSO .....	34	triamcinolone acetonide (mouth) .....	56	TRIKAFTA TBPk .....	63
tramadol hcl TABS 50 MG .....	6	triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	58	trimethobenzamide hcl CAPS .....	18
tramadol hcl TB24 .....	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	41	trimethoprim TABS .....	21
tramadol-acetaminophen .....	7	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	41	trimipramine maleate CAPS .....	15
trandolapril 1 MG, 2 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	41	TRINTELLIX .....	14
trandolapril 4 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	41	TRIUMEQ TABS .....	31
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	41	TRIZIVIR .....	31
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	42	TROJAN MAGNUM MISC .....	52
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	49	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	42	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC .....	52
tranexamic acid TABS .....	49	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	36	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC .....	52
tranylcypromine sulfate .....	13	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	36	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 52	
travoprost SOLN .....	60	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	36	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC .....	52
TRAZIMERA .....	24				
trazodone hcl TABS .....	14				
TRECTOR .....	23				
TRELEGY ELLIPTA .....	10				



tropicamide SOLN 0.5 % .....	58	+LUBE/LUBRICATED MISC .....	52	ursodiol CAPS .....	46
tropicamide SOLN 1 % .....	58	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC .....	52	ursodiol TABS .....	46
tropium chloride CP24 .....	65	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	52	UVADEX .....	28
tropium chloride TABS .....	65	52		valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	32
TRUE COVER DEVI .....	52	TRUSTEX/RIA LUBRICATED		valacyclovir hcl 500 MG .....	32
TRUE METRIX BLOOD		SPERMICIDE MISC .....	52	valganciclovir hcl TABS .....	31
GLUCOSETEST STRIPS STRP ...	43	TRUSTEX/RIA		valproate sodium SOLN OR 250	
TRUE METRIX CONTROL		LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		MG/5ML, 500 MG/10ML .....	13
SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....	53	52		valproic acid CAPS .....	13
TRUE METRIX SELF MONITORING		TRUXIMA .....	24	valrubicin .....	26
BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP		TUKYSA .....	25	valsartan TABS .....	20
43		TURALIO .....	27	valsartan-hydrochlorothiazide .....	21
TRUETRACK TEST STRP .....	43	TUZISTRA XR .....	37	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ....	11
TRULICITY .....	16	TWINRIX SUSY .....	68	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11
TRUMENBA .....	65	TWIRLA .....	35	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11
TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TYBLUME CHEW .....	35	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD ....	12
LUBE MISC .....	52	TYBOST .....	31	vancomycin hcl CAPS .....	22
TRUSTEX LUBRICATED		TYMLOS .....	44	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10	
EXTRALARGE MISC .....	52	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	33	GM, 500 MG, 1000 MG .....	22
TRUSTEX LUBRICATED		TYVASO SOLN IN .....	33	vancomycin hcl SOLR OR 25	
EXTRASTRENGTH MISC .....	52	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	33	MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	22
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	52	UBRELVY .....	53	VAQTA .....	68
TRUSTEX		UCERIS (budesonide (intrarectal))	7	varenicline tartrate TABS .....	62
LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED		UDENYCA ONBODY SOSY .....	49	varenicline tartrate TBPK .....	63
MISC .....	52	UDENYCA SOAJ .....	49	VARIVAX SUSR .....	68
TRUSTEX		UDENYCA SOSY .....	49	VARUBI TBPK .....	18
LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA		UPTRAVI TABS 200 MCG .....	34	VAXNEUVANCE .....	65
LARGE MISC .....	52	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600		VECAMEYL .....	21
TRUSTEX		MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200		VECTIBIX 100 MG/5ML .....	25
LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....	34	venlafaxine hcl CP24 150 MG .....	14
52		UPTRAVI TITRATION PACK TBPK		venlafaxine hcl CP24 37.5 MG ....	14
TRUSTEX NATURAL CONDOMS		34			

venlafaxine hcl CP24 75 MG .....	14	VIVITROL .....	17	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
venlafaxine hcl TABS .....	14	VIZIMPRO .....	25	XELJANZ SOLN .....	3
venlafaxine hcl TB24 150 MG .....	15	VORAXAZE .....	28	XELJANZ TABS 10 MG .....	3
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG .....	15	voriconazole TABS .....	18	XELJANZ TABS 5 MG .....	3
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	33	VOSEVI .....	32	XELJANZ XR TB24 .....	3
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....	33	VOTRIENT (pazopanib hcl) .....	27	XGEVA SOLN .....	44
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33	VYNDAMAX .....	34	XHANCE EXHU .....	58
verapamil hcl TABS .....	33	VYNDAQEL .....	34	XIFAXAN 200 MG .....	21
verapamil hcl TBCR .....	33	VYVANSE CAPS .....	1	XIFAXAN 550 MG .....	21
VEREGEN .....	38	warfarin sodium TABS .....	10	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....	15
VERZENIO .....	27	water for irrigation, sterile .....	56	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) .....	16
VICTOZA (liraglutide) .....	16	WESTAB PLUS TABS .....	57	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	16
vigabatrin PACK .....	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....	52	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15
vigabatrin TABS .....	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....	52	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9
VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....	52	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML .....	9
vilazodone hcl TABS .....	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....	52	XOLAIR SOLR .....	9
vincristine sulfate .....	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....	52	XOLAIR SOSY 150 MG/ML .....	9
vinorelbine tartrate 10 MG/ML .....	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....	52	XOLAIR SOSY 300 MG/2ML .....	9
VIRACEPT TABS 250 MG .....	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	52	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	9
VIRACEPT TABS 625 MG .....	31	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....	52	XOSPATA .....	27
VIREAD POWD .....	31	XALKORI CAPS .....	27	XPOVIO .....	26
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	31	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26	
VISTOGARD .....	17	XARELTO SUSR .....	11	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	69	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	XTAMPZA ER .....	6
VITATHELY/GINGER TABS .....	57			XTANDI CAPS .....	25
VITRAKVI CAPS .....	27				
VITRAKVI SOLN .....	27				

XTANDI TABS 40 MG .....	25	zileuton TB12 .....	9
XTANDI TABS 80 MG .....	25	ziprasidone hcl .....	29
XULTOPHY 100/3.6 .....	16	ZIRABEV .....	24
XYNTHA .....	48	ZIRGAN GEL .....	59
XYNTHA SOLOFUSE .....	48	ZOLADEX 10.8 MG .....	25
YERVOY .....	24	ZOLADEX 3.6 MG .....	25
YONSA .....	25	zoledronic acid CONC .....	44
zafirlukast .....	9	zoledronic acid SOLN .....	44
zaleplon 10 MG .....	50	ZOLINZA .....	27
zaleplon 5 MG .....	50	zolmitriptan SOLN .....	54
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	24	zolmitriptan TABS .....	54
ZANOSAR .....	24	zolmitriptan TBDP .....	54
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolpidem tartrate TABS .....	50
ZARXIO .....	49	zolpidem tartrate TBCR .....	50
ZEJULA CAPS .....	27	zonisamide CAPS .....	13
ZEJULA TABS 100 MG .....	27	ZONTIVITY .....	49
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27	ZORBTIVE SC .....	45
ZELBORAF .....	27	ZUBSOLV SUBL .....	7
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	43	ZYDELIG .....	27
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	43		
zidovudine CAPS .....	31		
zidovudine SYRP .....	31		
zidovudine TABS .....	31		
ZIEXTENZO .....	49		

Ambetter from Arkansas Health & Wellness includes products that are underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life and Health Insurance Company, Inc., which are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.  
© 2023 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and Qualchoice Life & Health Insurance Company, Inc.  
All rights reserved.